



ĐẠI SỨ QUÁN HỢP CHUNG QUỐC HOA KỲ

Phòng Thông tin - Văn hóa

Tầng 3, Rose Garden Tower, 6 Ngọc Khánh

Hà Nội, Việt Nam

(84-4) 831-4580 -- Fax: (84-4) 831-4601

Tạp chí Điện tử của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ
Chương trình Nghị sự Chính sách Đối ngoại Hoa Kỳ, tháng 11/2001

CHỦ NGHĨA KHỦNG BỐ: ĐÁNH GIÁ MỐI ĐE DỌA, BIỆN PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN ĐỐI PHÓ

ĐƯA NHỮNG KẺ KHỦNG BỐ RA XÉT XỬ TRƯỚC PHÁP LUẬT

Peter Raven-Hansen

Giáo sư Nghiên cứu Luật Glen Earl Weston,

Trường Luật George Washington

Giáo sư Peter Raven-Hansen thuộc Trường Luật George Washington nói: "Việc đưa những kẻ khủng bố ra xét xử trước pháp luật là một công việc chậm chạp, rườm rà, thiếu hiệu quả". Thế nhưng, nước Mỹ vẫn tiếp tục sử dụng pháp quyền trong hoạt động điều tra và theo đuổi cuộc chiến tranh toàn cầu chống chủ nghĩa khủng bố. "Mỹ đã đối phó với các cuộc tấn công khủng bố bằng những công cụ xét xử tội phạm tương tự như theo dõi, bắt giam và xét xử."

Lịch sử của các quốc gia cảnh sát vô luật pháp làm cho người ta ít còn nghi ngờ về cách đối phó với khủng bố. Chính phủ thường tuyên bố tình trạng khẩn cấp toàn quốc để đặt ra những quyền hạn và biện pháp "khẩn cấp" mới. Sau khi đã bí mật điều tra nhiều người, cảnh sát thường mở rộng việc theo dõi để tìm ra những kẻ khủng bố. Họ mau chóng bắt giữ những kẻ bị tình nghi, những người có khả năng làm chứng và có thể là những người bất đồng chính kiến cùng những người chỉ trích. Những người bị bắt giữ thường bị cách ly và có thể bị tra tấn để ép cung. Sau cùng, các nhà chức trách sẽ bí mật quyết định xem ai phạm tội (hay ai sẽ bị gọi là phạm tội), sau đó, trong các phiên tòa xét xử công khai, công bố quyết định của tòa án kết án tử hình hay phạt tù nhiều năm.

Việc giải quyết vô luật pháp xem ra nhanh chóng và có hiệu quả bởi vì nó có thể do một hoặc một vài cá nhân mà mệnh lệnh của họ chính là "luật" đối với các thuộc hạ của họ.

Mỹ đã đối phó với các cuộc tấn công khủng bố bằng những công cụ xét xử tội phạm tương tự như theo dõi, bắt bớ, giam giữ và xét xử. Nhưng ở một đất nước cai quản bằng pháp luật chứ không phải bằng mệnh lệnh cá nhân thì những công cụ này không phải do Tổng thống Bush và các cố vấn của ông đề ra. Thay vào đó, họ được các luật lệ đã có từ trước đó trong Hiến pháp của Mỹ, pháp lệnh của Quốc hội và các quy định thực hiện cho phép. Ngoài ra cũng có một số ngoại lệ. "Những quyền hạn khẩn cấp" duy nhất của nước Mỹ là những quyền dành cho Tổng thống theo luật pháp đã được Quốc hội Mỹ thông qua trước đó chứ không phải là những quyền hạn mà ông ta tự dành cho mình do thấy cần thiết. Và nếu như các công cụ của luật pháp quá chậm chạp và rườm rà không giải quyết thoả đáng mối đe dọa khủng bố thì các quyền hạn này phải được thay đổi bằng quá trình lập pháp công khai chứ không phải theo mệnh lệnh của Tổng thống.

GIÁM SÁT

Hiến pháp Mỹ bảo vệ người dân không bị "khám xét và bắt giữ một cách tùy tiện". Theo luật, bất cứ một sự khám xét nào - dù là trực tiếp đến nhà khám xét hay sử dụng các phương tiện điện tử như nghe trộm điện thoại hoặc kiểm duyệt liên lạc, đều phải được một thẩm phán độc lập nào đó chấp thuận trước trên cơ sở bằng chứng chứng tỏ phạm tội. Các bằng chứng được thu thập không theo các tiêu chuẩn này thì không được toà án công nhận. Nhưng Toà án Tối cao Mỹ đã thừa nhận là việc thu thập tin tức tình báo an ninh không giống như việc thu thập chứng cứ phạm tội, một phần vì cần phải ngăn chặn hoạt động gián điệp hoặc khủng bố chứ không chỉ để giải quyết những tội ác đã phạm. Do đó, Quốc hội đã ban hành một bộ luật cho phép các thẩm phán độc lập có quyền theo dõi nhằm thu thập các tin tức tình báo nước ngoài trên cơ sở ít có dấu hiệu của một động cơ về lợi nhuận. Chính phủ chỉ cần đưa ra lý do chắc chắn để tin rằng mục tiêu theo dõi là một điệp viên nước ngoài hay kẻ khủng bố quốc tế.

Hoạt động theo dõi tình báo nước ngoài đã được thực hiện trước cuộc tấn công hôm 11/9 vào nước Mỹ, đã có bằng chứng quan trọng buộc tội những kẻ khủng bố, những kẻ mà cuối cùng đã bị đưa ra xét xử về tội đã tiến hành các vụ đánh bom năm 1998 vào các đại sứ quán của Mỹ ở Tanzania và Kenya. Nhưng trước ngày 11/9, luật pháp Mỹ cũng đã hạn chế một số hình thức theo dõi. Ví dụ, báo chí Mỹ đưa tin là trước ngày 11/9 chính phủ đã không thể có được bằng chứng để tiến hành theo dõi một trong những người đàn ông hiện bị tình nghi là đã tham gia vào các vụ tấn công hôm 11/9. Ngoài ra, về một số khía cạnh, luật theo dõi người nước ngoài từ trước 11/9 đã lỗi thời về mặt công nghệ. Luật này chỉ áp dụng với việc nghe trộm điện thoại và không thích hợp với việc theo dõi thư điện tử và các phương tiện truyền thông khác đã phát triển sau khi luật này được ban hành.

Do vậy, sau vụ tấn công hôm 11/9, chính quyền Bush đã cố gắng tạo ra những thay đổi trong bộ luật này của Quốc hội. Quá trình lập pháp ở Mỹ là công khai nên đã gây ra sự tranh cãi trong quốc hội và trên các phương tiện thông tin đại chúng của Mỹ. Những người chủ trương bảo mật phản đối những sự thay đổi này của Chính quyền, còn những người ủng hộ mở rộng an ninh thì khuyến khích những thay đổi đó. Cuối cùng, một số thoả hiệp đã đạt được trong luật mới, mở rộng các hoạt động giám sát an ninh. Tuy nhiên, luật mới vẫn còn thiếu những quy định về hoạt động giám sát không hạn chế mà chúng ta thường thấy ở một nước cảnh sát trị. Một thẩm phán độc lập vẫn phải chứng minh hoạt động giám sát an ninh, hoạt động này vẫn phải nhằm vào những điệp viên nước ngoài hay những kẻ khủng bố quốc tế với sự bảo vệ đặc biệt cho các công dân Mỹ và sự giám sát đó không phải là vô hạn.

BẮT VÀ TẠM GIAM

Trong 7 tuần đầu điều tra về vụ tấn công hôm 11/9, Cục Điều tra Liên bang đã bắt giữ hơn 1.100 người. Nhưng Hiến pháp Mỹ lại bảo vệ một người khỏi bị "bắt giữ" tùy tiện - bắt bớ hay giam giữ cũng như khám xét vô cớ. Không có luật nào cho phép "giam giữ phòng ngừa" chung chung - giam giữ một người nào đó chỉ để ngăn ngừa anh ta phạm tội sau này - ngoại trừ những kẻ thù trong chiến tranh. Cảnh sát có thể chặn một ai đó lại để tra hỏi chỉ khi có căn cứ nghi ngờ là anh ta đã hoặc đang có hoạt động phạm tội và chỉ được tạm giam anh ta trước khi khép anh ta vào một tội danh nào đó.

Việc bắt giữ phần lớn trong số 1.100 người đó đáp ứng tiêu chuẩn này nhưng không phải bởi vì họ bị tình nghi một cách có căn cứ là đã tham gia vụ tấn công hôm 11/9. Thay vào đó, họ bị bắt do bị nghi ngờ phạm vào cái tội mà Bộ trưởng Bộ Tư pháp Mỹ gọi là "tội vật vãnh": những tội nhỏ như vi phạm giao thông, sử dụng chứng minh thư giả hay gian lận thẻ tín dụng. Việc bắt giam không thông báo trước cho người bị tình nghi phạm các tội nhẹ như thế là bất bình thường; những tội như thế thường không bị phạt tù. Bởi vậy, những vụ bắt giam "tội vật vãnh" đó đã trở thành chủ đề ngày càng gây nhiều tranh cãi trên các phương tiện thông

tin, những người bảo vệ quyền tự do dân sự khẳng định Chính phủ đã áp dụng một chính sách giam giữ phòng ngừa gây tranh cãi chưa từng có về mặt pháp lý để đối phó với mối hoạ khủng bố.

Hai trăm người khác bị giam giữ là người nước ngoài bị tình nghi có căn cứ là đã vi phạm quy chế nhập cư của Mỹ, như ở quá hạn thị thực du học. Tuy nhiên, trước ngày 11/9, những người bị tình nghi là ở "quá hạn" chưa hề bị giam giữ quá thời gian họ chờ các thủ tục nhập cảnh. Việc tiếp tục giam giữ người nước ngoài trong cuộc điều tra vụ hôm 11/9 cũng đã bị chỉ trích là giam giữ có tính phòng ngừa.

Tuy nhiên, có sự khác nhau cơ bản giữa việc bắt giữ theo kiểu quy chụp và không hạn chế những người bị tình nghi và những người bất đồng chính kiến mà chúng ta thường thấy ở một quốc gia cảnh sát trị vô luật và các vụ bắt giam hôm 11/9. Chính phủ Mỹ phải sử dụng luật pháp để công khai giải thích các lệnh bắt giữ của mình, cho dù những lời biện minh này có bị chỉ trích. Ngoài ra, theo luật pháp Mỹ, những người bị giam giữ còn có quyền yêu cầu luật sư bào chữa, và nếu người bị bắt bị khép vào một tội danh nào đó thì anh ta có quyền chỉ định luật sư bào chữa cho mình, chi phí do Chính phủ chịu. Bộ Tư pháp đã khẳng định rằng mọi người bị bắt giữ đều được thông báo quyền này, cho dù người ta vẫn nghi vấn về tính dễ dàng thực hiện quyền này đối với bị cáo. Những người bị tạm giam cũng có quyền được bảo vệ thân thể trong thời gian bị giam giữ. Cho đến nay, chưa có lời phàn nàn nào đáng tin về việc quyền này bị vi phạm.

Theo quy định của pháp luật, thông thường nên thay đổi luật pháp khi nó không còn đáp ứng được các yêu cầu của xã hội thay vì bóp méo nó, chứ chưa muốn nói là vi phạm nó. Trong thực tế, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã yêu cầu Quốc hội trao cho mình thẩm quyền mới trong việc bắt giữ một người nào đó nếu như ông ta có lý do để tin người đó là một tên khủng bố hay sẽ có hành vi khủng bố. Bất chấp tình trạng khủng bố khẩn cấp, Quốc hội vẫn từ chối đề nghị này do phân vân không biết sự mở rộng quyền hạn bắt giữ như vậy có cần thiết hoặc đúng theo hiến pháp không. Thay vào đó, Quốc hội đã trao cho ông ta thẩm quyền mới nhưng hạn chế, cho phép tạm giam những người nước ngoài trong khi chờ các thủ tục xuất nhập cảnh.

XÉT XỬ

Hiến pháp Mỹ bảo đảm một loạt các quyền quan trọng đối với người bị khép vào một tội danh nào đó. Trước tiên và có lẽ là quan trọng nhất, anh ta có quyền đòi xét xử nhanh chóng, công khai. Anh ta có quyền đối chất với những người ra làm chứng và xem bằng chứng buộc tội mình. Anh ta có quyền yêu cầu một luật sư bào chữa do chính phủ đài thọ. Anh ta có quyền yêu cầu một bồi thẩm đoàn gồm thành viên là những người dân thường vô tư để quyết định xem bằng chứng đó có xác định chắc chắn anh ta phạm tội hay không. Anh ta có quyền đòi được xem bằng chứng mà Chính phủ tìm được để có thể chứng minh anh ta vô tội.

Những quyền này đã được dành cho những kẻ khủng bố bị đưa ra xét xử tại các toà án Mỹ về tội đánh bom Trung tâm Thương mại Thế giới năm 1993, vụ đánh bom thành phố Oklahoma năm 1995 và các vụ đánh bom đại sứ quán năm 1998. Ví dụ, trong vụ việc năm 1998, các bị cáo - cùng với Osama bin Laden bị buộc tội là thành viên của mạng lưới al-Qaeda- đã dành thắng lợi trong một phiên toà xét xử kéo dài 5 tháng sau khi bác bỏ một số lời cáo buộc, công bố một số hoạt động theo dõi bất hợp pháp và khiến toà án phải bác bỏ một số bằng chứng buộc tội họ. Nhưng sau khi nghe 205 nhân chứng trình bày, bồi thẩm đoàn đã xác định chắc chắn là các bị cáo này phạm tội đánh bom đại sứ quán Mỹ.

Tuy nhiên, bất chấp kỷ lục thành công chưa bị phá của Chính phủ trong các vụ khởi tố những kẻ khủng bố, khó khăn chưa phải đã hết. Một trở ngại lớn trong việc xét xử những kẻ khủng bố là, một số bằng chứng buộc tội họ (hay bằng chứng mà họ được quyền xem) có thể lấy từ những nguồn tin và phương pháp tình báo bí mật. Việc tiết lộ bằng chứng có thể gây nguy hại cho các nguồn thông tin và phương pháp đó. Ví dụ, trong một vụ khởi tố một kẻ khủng bố, Chính phủ phải tiết lộ bằng chứng thu được nhờ một thiết bị nghe trộm điện

tử một cuộc liên lạc của mạng lưới al Qaeda. Một thời gian ngắn sau khi tiết lộ thông tin này, được biết mạng lưới này đã không sử dụng kênh liên lạc đó nữa, và nguồn tin tình báo này bị mất.

Giải pháp hiển nhiên cho rủi ro này - giữ bí mật bằng chứng đối với bị cáo là kẻ khủng bố và luật sư của hắn - bị luật pháp Mỹ cấm. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra di trú phi-hình sự để loại bỏ khỏi nước Mỹ những kẻ khủng bố là người nước ngoài, Chính phủ đã cố gắng sử dụng bằng chứng mật khi cần phải bảo vệ các nguồn tin và các biện pháp tình báo. Nhưng việc sử dụng bằng chứng mật này cũng có thể là bất hợp pháp. Ít nhất đã có ba toà án sở thẩm bác bỏ những quyết định nhập cư trong các trường hợp đó với lý do, việc sử dụng bằng chứng bí mật vi phạm quyền lợi của người nước ngoài chiếu theo thủ tục pháp lý thích hợp được Hiến pháp bảo vệ. Nhưng những quyết định này không quy định liệu Chính phủ có được phép sử dụng bằng chứng bí mật ở những nơi khác trên đất nước, và toà án tối cao - cơ quan có thể quyết định vấn đề này trên phạm vi cả nước - chưa hề quy định như vậy.

Bởi vậy, trước ngày 11/9, một số thành viên Quốc hội đã đề xuất một bộ luật cấm các cơ quan phụ trách di trú sử dụng bằng chứng bí mật. Sau ngày 11/9, sự ủng hộ luật này đã không còn, ít ra là trong thời gian trước mắt. Do đó, các toà án phải tiếp tục quyết định theo từng trường hợp cụ thể xem liệu có thể sử dụng bằng chứng bí mật trong điều tra di trú không cho đến khi toà án tối cao hay Quốc hội giải quyết được vấn đề này.

KẾT LUẬN

Đưa những kẻ khủng bố ra xét xử trước pháp luật là một công việc chậm chạp, rườm rà và thiếu hiệu quả. Có khi còn là một công việc bất thành nếu như bằng chứng cần thiết bị bác bỏ do nó được lấy từ hoạt động theo dõi bất hợp pháp, nếu Chính phủ quyết định là không thể mạo hiểm tiết lộ các nguồn thông tin và phương pháp tình báo, hoặc nếu chứng cứ không xác định chắc chắn tội phạm (mặc dù nó cho thấy một cách chắc chắn hơn việc bị cáo phạm tội.) Nhưng như Toà án Tối cao đã từng nói khi quyết định trả tự do cho một tên khủng bố đã bị xét xử bất hợp pháp trong thời kỳ nội chiến ở Mỹ rằng:

"Quyền xử phạt là riêng lẻ (sẵn có) thông qua các phương tiện mà luật pháp cho phép để thực hiện mục đích đó, và nếu các phương tiện này không hiệu quả thì xảy ra tình trạng không bị hình phạt, bất kể những tội phạm có thể đã gây kinh hoàng hoặc gây nguy hiểm cho an ninh của đất nước như thế nào. Bảo vệ luật pháp có nghĩa là nhân quyền được bảo đảm; nếu rút lại sự bảo vệ đó, nhân quyền hoàn toàn chịu sự chi phối của những người lãnh đạo tội lỗi hoặc sự la hét của những người bị kích động."

Trong khi tìm kiếm sự bảo vệ chống lại những kẻ khủng bố, nước Mỹ sẽ không từ bỏ việc bảo vệ luật pháp.

Toàn văn bằng tiếng Anh có trên Internet tại:

<http://usinfo.state.gov/journals/itps/1101/ijpe/pj63law.htm>